

hệ thống thanh toán thẻ của các ngân hàng ở Việt Nam, tạo thành một hệ thống thanh toán thẻ chung cho quốc gia và kết nối với các tổ chức thẻ quốc tế. Hoạt động của BanknetVN là tạo ra một hệ thống nền tảng công nghệ và dịch vụ chuyển mạch kết nối dùng chung, một sân chơi bình đẳng cho tất cả các ngân hàng tham gia kết nối.

Đối với các liên minh thẻ đang tồn tại, trong thời gian tới, nếu các liên minh thẻ không thỏa thuận hợp tác và thống nhất được với nhau thì Ngân hàng Nhà nước sẽ có giải pháp mạnh mẽ hơn với họ.

Ngân hàng Nhà nước cần thể hiện rõ ràng và mạnh mẽ hơn nữa vai trò quản lý của mình trong lĩnh vực này. Không nên để các liên minh thẻ tự thỏa thuận với nhau vì do tính cục bộ, việc thỏa thuận sẽ rất khó khăn và mất thời gian. Có thể sẽ xảy ra tình huống một số liên minh liên kết với nhau để trở thành vài liên minh to hơn (như đã xảy ra ở Thái Lan: thoát đầu có 4 liên minh ATM, sau đó các liên minh này liên kết lại thành 2 liên minh và cuối cùng Ngân hàng Trung ương Thái Lan phải ra tay thống nhất lại thành hệ thống chung quốc gia), nhưng cũng không phải là Ngân hàng Nhà nước áp đặt đối với các NHTM mà là đóng vai trò đầu mối quy chuẩn, thống nhất phối hợp các ngân hàng hiện.

Đối với NHTM:

Giải pháp cần phải được thực thi nhanh chóng và quan trọng nhất đó là các NHTM nên tình nguyện tham gia liên minh thẻ vì lợi ích chung của khách hàng, của toàn hệ thống và của toàn xã hội. Các NHTM cần liên kết với nhau. Điều này là cực kỳ có lợi cho các ngân hàng nhỏ và cả ngân hàng lớn cũng như cho toàn bộ nền kinh tế. Các ngân hàng mạnh và có quy mô lớn về phát hành và thanh toán thẻ cần phải đi tiên phong trong việc liên minh thẻ. Các ngân hàng không thể vì lợi ích riêng của mình mà kìm hãm việc liên minh thẻ thành một hệ thống.

Bên cạnh giải pháp về nhận thức của các ngân hàng, các ngân hàng cần phải tích cực đầu tư, đổi mới công nghệ hiện đại theo kịp sự phát triển chung của toàn hệ thống. Sự khác biệt về công nghệ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình kết nối thanh toán thẻ cũng như sự an toàn, tiện lợi của hệ thống thẻ.

Giải pháp cuối cùng là các ngân hàng phải hoàn thiện chức năng Marketing của mình, đặc biệt là marketing cho việc phát hành thẻ của mình. Việc chuyên nghiệp hóa hơn trong khâu phát hành thẻ cũng như thực hiện các dịch vụ hậu mãi và chăm sóc khách hàng tốt hơn sẽ giúp ngân hàng chiếm lĩnh thị trường cũng như mở ra những thị trường mới ■

Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành 26 chuẩn mực áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế trong cả nước. Trong đó, ngân hàng thương mại là một bộ phận của tổ chức tín dụng (TCTD). Và theo khái niệm được trình bày trong Luật các TCTD thì “Tổ chức tín dụng là doanh nghiệp được thành

lập theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật để hoạt động kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi và sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán”. Như khái niệm này thì TCTD cũng là một loại hình doanh nghiệp, do đó, chịu sự ảnh hưởng của hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam là không ngoại lệ. Tuy nhiên, trong 26 chuẩn mực kế toán đã được ban hành thì chỉ có chuẩn mực số 22 – “Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự” là chuẩn mực dành riêng cho ngân hàng. Do đó, việc hiểu và vận dụng các chuẩn mực khác vào tương đối khó vì “ngân hàng kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ ngân hàng” - loại hình kinh doanh khá đặc biệt. Ở đây xin trình bày một vài vận dụng của chuẩn mực 14 – “Doanh thu và thu nhập khác” để ghi nhận doanh thu và thu nhập của ngân hàng. Và tôi xin trình bày những vận dụng đặc trưng nhất, đó là ghi nhận thu nhập lãi từ nghiệp vụ tín dụng - nghiệp vụ kinh doanh chính của ngân hàng.

Tôi xin trích những đoạn trong chuẩn mực số 14 sẽ được vận dụng chủ yếu trong nghiệp vụ tín dụng.

Thứ nhất, theo chuẩn mực 14, “Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.”

Và khái niệm tín dụng trong Quyết định 1627 – Quy chế cho vay đối với các Tổ chức tín dụng, “Tín dụng là một giao dịch giữa 2 chủ thể, trong đó, dựa vào sự tin tưởng người được cấp tín dụng, người cấp tín dụng chuyển giao



VẬN DỤNG CHUẨN MỰC KÊ TOÁN

trong ghi nhận thu nhập tại ngân hàng thương mại

MÃ THỊ NGỌC TRÂM

“xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán”.

Thứ ba, “Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi **đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch**. Khi không thể thu hồi được khoản doanh thu đã ghi nhận thì phải hạch toán vào chi phí mà không được ghi giảm doanh thu. Khi không chắc chắn thu hồi được một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu (Nợ phải thu khó đòi) thì phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mà không ghi giảm doanh thu. Khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được bù đắp bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi”. Điều này giải thích cho chúng ta tại sao ngân hàng chỉ dự thu lãi đối với “Nợ đủ tiêu chuẩn”. Khi một khoản nợ bị chuyển sang những loại nợ thấp hơn ngân hàng không dự thu lãi nữa, bởi vì lúc này doanh thu “không đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó. Đồng thời lúc này ngân hàng cũng đã phải lập dự phòng cho những khoản nợ không thuộc “Nợ đủ tiêu chuẩn” nữa.

Trên đây là một vài vận dụng từ chuẩn mực số 14 vào việc ghi nhận doanh thu từ nghiệp vụ tín dụng trong ngân hàng. Trong ngân hàng, doanh thu từ các hoạt động kinh doanh và thu nhập khác khá đa dạng nên tôi chỉ đề cập ở đây vài điểm đáng chú ý và cơ bản nhất.

Tài liệu tham khảo:

Chuẩn mực số 14 – Doanh thu và thu nhập khác

Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung

Quyết định 1627 – Quy chế cho vay

Giáo trình kế toán ngân hàng

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.”

Đối với những khoản cho vay trả lãi sau và liên quan đến nhiều kỳ kế toán, vào cuối mỗi kỳ kế toán ngân hàng phải dự thu lãi để thể hiện phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán theo chuẩn mực này.

Cụ thể hơn là ví dụ về chiết khấu thương phiếu. Chiết khấu thương phiếu là một phương thức cho vay của ngân hàng. Khi thực hiện chiết khấu thương phiếu, ngân hàng sẽ thu được khoản tiền lãi chiết khấu thương phiếu và hoa hồng phí chiết khấu thương phiếu (nếu có). Ngay khi nhận chiết khấu thương phiếu, ngân hàng sẽ trả cho khách hàng một khoản tiền thấp hơn số tiền mà khách hàng sẽ nhận được nếu khách hàng giữ thương phiếu đó đến khi đến hạn thanh toán của thương phiếu đó. Phần chênh lệch đó chính là phần thu nhập lãi của ngân hàng do việc tài trợ cho người chiết khấu thương phiếu đó. Khi đến hạn thanh toán thương phiếu, ngân hàng sẽ gửi chứng từ này đi để được thanh toán, nếu thương phiếu này được thanh toán thì ngân hàng sẽ ghi thu nhập là hoa hồng phí, đây là doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ nên việc ghi nhận doanh thu từ hoa hồng phí cũng thỏa mãn 4 điều kiện ghi nhận doanh thu ở trên. Sở dĩ hoa hồng phí – doanh thu từ cung cấp dịch vụ ghi nhận khi thương phiếu được thanh toán là do doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ chỉ ghi nhận khi

tiền hoặc tài sản cho người được cấp tín dụng sử dụng cho mục đích nhất định trong thời hạn thỏa thuận. Người được cấp tín dụng có trách nhiệm phải hoàn trả cho người cấp tín dụng số tiền hoặc/ và tài sản mình đã nhận cộng với phần lãi cho việc sử dụng tiền hoặc tài sản nói trên.”

Theo như điều kiện ghi nhận doanh thu ở trên, thu nhập lãi từ hoạt động tín dụng là đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu và cụ thể hơn điều kiện đó trong tín dụng là:

Có khả năng: trên hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng và khách hàng luôn thỏa thuận rằng khách hàng cam kết sẽ thanh toán một khoản tiền lãi nhất định trong thời gian nhất định.

Lợi ích kinh tế: theo như chuẩn mực số 01 “Lợi ích kinh tế trong tương lai của một tài sản là tiềm năng làm tăng nguồn tiền và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp hoặc làm giảm bớt các khoản tiền mà doanh nghiệp phải chi ra.” thì tiền lãi khách hàng sẽ phải trả cho việc sử dụng vốn của ngân hàng sẽ làm tăng nguồn tiền của ngân hàng trong tương lai.

Như vậy với cam kết này, điều kiện thứ nhất để ghi nhận doanh thu tiền lãi đã được thỏa mãn.

Tương đối chắc chắn: việc đánh giá khoản vay là đủ tiêu chuẩn hay không còn mang tính xét đoán (trong quá trình thẩm định) nên chỉ xem là tương đối.

Thứ hai, “Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định *một cách đáng tin cậy*. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau: